AASCs

Member of JHI International

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐTCK AN PHÚC

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại thời điểm 31/12/2012

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM; Tel : (08) 38205944- 38205947; Fax : (08) 38205942

Nội dung | Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 2 - 3

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN 4 - 4

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 5-12

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép 15/UBCK-GPHĐQLQ do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2009.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư.

Hình thức sở hữu vốn:

Do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn, vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 25.000.000.000 VND (Hai lăm tỷ đồng chẵn).

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc — Chức vụ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Chủ tịch
Ông	LÊ VĂN THANH LONG	Uỷ viên
Bà	NGUYỄN THỊ HIỀN KHANH	Uỷ viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Bà	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà	HỒ THỊ THANH NGUYÊN	Trưởng ban
Bà	PHẠM THỊ THU HẰNG	Thành viên
Bà	NGUYỄN QUỲNH ANH	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà PHẠM THỊ THU HẰNG

Các sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31/12/2012 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012.

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập phù hợp với thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN PHÚC

NGUYỄN VĂN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947-Fax : (08) 3.8205 942
Email: info@aascs.com.vn-Website:www.aascs.com.vn

Số : 316./BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2012
của Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN PHÚC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc** tại thời điểm 31/12/2012, được lập ngày 31/12/2012 và được trình bày từ trang 05 đến trang 12 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc** đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2013

Kiểm toán viên điều hành

PHÙNG VĂN THẮNG
CPA số: 0650/KTV

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

ĐỖ KHẮC THANH
CPA số: Đ0064/KTV

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐTCK AN PHÚC
Số Công văn : 12-VKD/12
V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm : 31/12/2012

Chúng tôi cam đoan rằng :

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng	Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Hồng Mai	Nguyễn Văn Dương

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VKD	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
		(1)	*(2)*	*(3)*
A	**Nguồn vốn chủ sở hữu**			
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm CP ưu đãi hoàn lại (nếu có)	25.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	1.464.087.950		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các CK tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		6.226.532.852	-
1A	**Tổng**			**20.237.555.098**
B	**Tài sản ngắn hạn**	-		-
I	***Tiền và các khoản tương đương tiền***			
II	***Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo QĐ tại khoản 5 Điều 5	-	-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	-	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-		

	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-		
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu HĐ giao dịch CK có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-		
	Phải thu HĐ giao dịch CK có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	
5	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	***Hàng tồn kho***		-	
V	***Tài sản ngắn hạn khác***	-		-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		22.594.674	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4.1	Tạm ứng	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		5.000.000	
1B	**Tổng**			**27.594.674**
C	**Tài sản dài hạn**	-		-
I	***Các khoản phải thu dài hạn***	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			

	Phải thu dài hạn nội bộ của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	***Tài sản cố định***		22.643.891	
III	***Bất động sản đầu tư***		-	
IV	***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo QĐ tại khoản 5 Điều 5		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	***Tài sản dài hạn khác***		-	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại BCTC năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	**Tổng**			**22.643.891**
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C			**20.187.316.533**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		**Hệ số rủi ro**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
		(1)	**(2)**	**(3) = (1) x (2)**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VNĐ)	0%	6.650.075.858	-

2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng tr	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, TP chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi CP hoặc NHTW của các nước thuộc khối này, TP được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB & EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được CP, BTC bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được CP, BTC bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1năm đến 5 năm	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được CP, BTC bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm kể cả TP chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm kể cả TP chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên kể cả TP chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm kể cả TP chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm kể cả TP chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên kể cả TP chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu				-

8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch CK HCM, chứng chỉ quỹ mở	10%	288.722.200	28.872.220
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch CK Hà Nội	15%	60.000.000	9.000.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; CP đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	9.346.171.500	7.476.937.200
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Các tài sản khác				-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	488.653.200	390.922.560
18	Các tài sản đầu tư khác			-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-
	Mã chứng khoán	**Mức tăng thêm**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
1				-
2				-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				**7.905.731.980**

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								-
1	Tiền gửi ký hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo							
2	Cho vay chứng khoán/Các thoản thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Vay chứng khoán/Các thoản thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua CK có cam kết bán lại /Các thoản thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán CK có cam kết mua lại/Các thoản thuận kinh tế có cùng bản chất							
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua CK)/Các thoản thuận kinh tế có cùng bản chất							
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								-
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao CK							
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao CK							
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao CK							
4	Từ 60 ngày trở đi							

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
	.....							
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)								-

	C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị
I	**Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng**	**8.073.002.604**
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	**5.456.949.909**
	1. Chi phí khấu hao	70.698.297
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư CK ngắn hạn	5.386.251.612
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư CK dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III	**Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)**	**2.616.052.695**
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	654.013.174
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh CK	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = Max {IV,V})		**5.000.000.000**
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (D = A + B + C)		**12.905.731.980**

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn KD	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	7.905.731.980	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	**Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)**	**12.905.731.980**	
5	**Vốn khả dụng**	**20.187.316.533**	
6	**Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)**	**156.42%**	